

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được bản giấy hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các ngành, các cấp và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (sau đây gọi tắt là *dự thảo Nghị quyết*) (theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 736/SLĐT BXH-TGXHGN ngày 28 tháng 4 năm 2022). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “*Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*”.

Căn cứ quy định nêu trên, việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết để quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh

(sau đây gọi tắt là *Chương trình*) là cần thiết, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽¹⁾.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị quyết có tên gọi (*trích yếu*) là: “Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách **trung ương** cho các ngành, các cấp và **tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương** thực hiện *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Với tên gọi trên, dự thảo quy định 02 vấn đề: (i) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các ngành, các cấp; (ii) Tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện *Chương trình*.

Cơ quan thẩm định nhận thấy, khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: “*Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn **ngân sách nhà nước** cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025*”*. Nói cách khác, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ chỉ giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn **ngân sách nhà nước** cho các ngành, các cấp của địa phương mà không chỉ phân bổ vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các địa phương để thực hiện *Chương trình*. Bên cạnh đó, tại điểm b khoản 1 Điều 12 dự thảo Quy định ban hành kèm theo còn quy định việc phân bổ vốn đối ứng của địa phương đối với các huyện nghèo (*ngân sách cấp tỉnh bố trí vốn tối thiểu bằng 5%; ngân sách cấp huyện tối thiểu 5% so với vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ*). Nói cách khác, dự thảo Nghị quyết còn dự kiến quy định tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương⁽²⁾. Ngoài ra, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết định việc xây dựng Nghị quyết để quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp, địa phương thực hiện *Chương trình*.

Từ những lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại tên gọi, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết; tên gọi, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc phân bổ vốn ngân sách địa phương để thực hiện *Chương trình*, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo, làm rõ lý do cần tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện *Chương trình* khi không được Thủ tướng Chính phủ giao quy định.

(1) Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xây dựng tại Thông báo số 07/TB-TTHĐND ngày 04 tháng 3 năm 2022.

(2) Tiêu chí “*huyện nghèo*” được sử dụng để phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện *Chương trình*.

2.2. Đối tượng áp dụng

Khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo dự kiến đối tượng áp dụng của dự thảo bao gồm: “*Các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh...*”. Với quy định trên, các **đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh** thuộc đối tượng áp dụng, các **đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh** không thuộc đối tượng áp dụng⁽³⁾. Tuy nhiên, theo quan điểm của Sở Tư pháp, việc không dự kiến các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc đối tượng áp dụng là chưa phù hợp, chưa đầy đủ. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung. Bên cạnh đó, để nội dung của văn bản được chính xác, đầy đủ, bao quát trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo biên tập lại đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo Quy định như sau: “*Các sở, ban, ngành (...)* để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum”; “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân (...)* thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo với lý do đã được trình bày tại điểm 2.1 mục 2 của Báo cáo này⁽⁴⁾.

3.2. Khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định dự kiến, quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022- 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg, quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2021. Nói cách khác, quy định dự kiến tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định lại chính xác văn bản công bố quy mô dân số của các địa phương làm căn cứ để sử dụng tính hệ số.

⁽³⁾ Ví dụ: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

⁽⁴⁾ Lưu ý, khi chỉnh lý phạm vi điều chỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát, chỉnh lý các nội dung khác có liên quan.

Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại căn cứ xác định số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thành phố (Tiêu chí 3, thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4, Điều 8 dự thảo Quy định) để tính hệ số là số liệu **năm 2020**, trong khi đó, với quy định tương ứng tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg thì số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo để tính hệ số được xác định căn cứ vào Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội **đến năm 2021** (Tiêu chí 3, thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4, Điều 8 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg).

3.3. Khoản 2 Điều 4 dự thảo quy định: “*Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, của tỉnh để tính hệ số...*”. Sở Tư pháp nhận thấy, việc quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn đối với đơn vị hành chính cấp xã **của tỉnh** là chưa phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo. Bên cạnh đó, quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn đối với đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung dự kiến nêu trên.

Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại tiêu chí phân bổ vốn cho địa phương là tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo **của tỉnh** (Tiêu chí 1 thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4), tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo **của tỉnh** (Tiêu chí 2 thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4).

3.4. Đối với các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cụ thể tại Mục 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật có liên quan, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình thực tế của địa phương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với các tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cụ thể*). Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số vấn đề sau:

3.4.1. Điểm a, khoản 1 Điều 8 dự thảo Quy định ban hành kèm theo dự kiến: “*Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án để đầu tư cho các địa phương có Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn và trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum...*”. Cơ quan thẩm định nhận thấy, quy định nêu trên có thể phát sinh 02 cách hiểu: (i) Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án để đầu tư cho các địa phương có Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng **trên địa bàn tỉnh** và trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; (ii) Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án để đầu tư cho các địa phương có Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn **các huyện nghèo** và trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum. Do nội dung của văn bản có thể phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại để dự kiến nêu trên phù hợp, thống nhất với quy định tại

điểm a, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định đối với vốn đầu tư phát triển là: “*Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án để đầu tư cho các tỉnh có huyện nghèo*”. Trên cơ sở đó, rà soát lại các tiêu chí phân bổ vốn có liên quan đảm bảo thống nhất (Ví dụ: Tiêu chí 3: Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập **trên địa bàn huyện, thành phố**; tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh **trên địa bàn huyện, thành phố**...).

Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 8 dự thảo Quy định ban hành kèm theo: “*Phân bổ vốn cho các địa phương; Tối đa 40% tổng số vốn của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập **trên địa bàn***” cho phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg.

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại tính khả thi, sự phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương khi dự kiến phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các địa phương có trường trung cấp, trường cao đẳng và trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum. Lý do: Thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh Kon Tum chỉ có 01 trường cao đẳng là Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum⁽⁵⁾, 08 huyện có Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao gồm: Kon Rẫy, Sa Thầy, Đăk Glei, Ngọc Hồi, Tu Mơ Rông, Đăk Tô, Đăk Hà và Kon Plong.

3.4.2. Cơ quan thẩm định nhận thấy, một số tiêu chí phân bổ vốn của từng dự án là bất hợp lý, chưa phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế, quy mô dân số của địa phương. Cụ thể: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố (Tiêu chí 4, thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4); lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thành phố (Tiêu chí 3, thuộc Tiểu dự án 3, Dự án 4)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tính toán lại cho phù hợp.

3.4.3. Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg quy định phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án tối đa **25%** cho các bộ, cơ quan trung ương; tối thiểu **75%** cho các địa phương. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 11 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo quy định phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành tối đa **30%** tổng số vốn của Tiểu dự án; phân bổ vốn cho các địa phương tối thiểu **70%** tổng số vốn của Tiểu dự án. Do có sự chênh lệch về tỷ lệ phân bổ vốn giữa Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg và dự thảo Quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ lý do.

3.5. Điểm b khoản 1 Điều 12 dự thảo Quy định ban hành kèm theo quy định: “*Đối với các tiểu dự án, dự án do Ủy ban nhân dân các huyện nghèo làm chủ đầu tư: Ngân sách cấp tỉnh bố trí vốn **tối thiểu** bằng 5% và ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng **tối thiểu** bằng 5% so với vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện tiểu dự án, dự án*”. Sở Tư pháp nhận thấy, quy định trên là chưa

⁽⁵⁾ Được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 trường cao đẳng, trung cấp gồm: Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trung cấp Y tế Kon Tum, Trung cấp nghề Kon Tum và được phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-LĐTĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

chính xác, hợp lý. Cụ thể, theo tinh thần chung, ngân sách địa phương (*ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện*) bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương. Vì vậy, với quy định trên, trường hợp ngân sách tỉnh bố trí vốn vượt quá 5% (*do quy định tối thiểu 5%*) và ngân sách địa phương (huyện nghèo) bố trí vốn là 5% thì tổng vốn đối ứng lớn hơn 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 dự thảo Quy định ban hành kèm theo cho chính xác, phù hợp.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) và Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...) (của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽⁶⁾; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này⁽⁷⁾. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

⁽⁶⁾ Công văn số 541/SLĐTBXH-TGXHGN ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁽⁷⁾ Trong quá trình chỉnh lý, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp để đảm bảo chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các ngành, các cấp và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Lao động- Thương binh và Xã hội theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng